

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ẨN DỤ Ý NIỆM “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH” TRONG NHỮNG CA KHÚC TRỊNH CÔNG SƠN

HỒ THỊ KIỀU OANH*

TÓM TẮT: Bài báo này phân tích ẩn dụ ý niệm về “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH” trong những ca khúc của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Tư liệu nghiên cứu là 16 bài hát với hướng tiếp cận phân tích định tính và định lượng. Dựa vào khung lý thuyết của Lakoff, Johnson (1980, 2003) và Kovecses (2010), kết quả nghiên cứu cho thấy ẩn dụ cấu trúc, bản thể, định hướng đều được sử dụng trong đó phổ biến nhất phải kể đến ẩn dụ bản thể, kể đến là ẩn dụ tích hợp của những loại ẩn dụ trên được thể hiện qua nhiều phương tiện ngôn ngữ và hình tượng. Từ đó, nghiên cứu lý giải và thảo luận về những kết quả nghiên cứu trên cơ sở văn hóa tín ngưỡng của Việt Nam.

TỪ KHÓA: Ẩn dụ ý niệm; đời người; một hành trình; những ca khúc; Trịnh Công Sơn.

NHẬN BÀI: 30/03/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/09/2026

1. Đặt vấn đề

Tính đến nay đã có nhiều tác giả viết về *cuộc đời, cái chết* và nhiều nhà nghiên cứu khảo sát ẩn dụ ý niệm về hai chủ đề này trong thơ ca, tiểu thuyết tiếng Anh, tiếng Việt. Tuy nhiên, những bài viết và những bài nghiên cứu này chưa đi sâu mô tả, phân tích tư liệu dựa trên hệ thống phân loại các loại ẩn dụ ý niệm của Lakoff và Johnson (1980, 2003), Kovecses (2010) và những đặc trưng văn hóa, tôn giáo chi phối. Do vậy, bài viết này tập trung nghiên cứu ẨN DỤ Ý NIỆM “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH” - một trong những chủ đề chính thể hiện nhiều bản khoăn, trăn trở trong những ca khúc của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

2. Tổng quan và cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan

Trịnh Công Sơn (28/02/1939 - 01/04/2001) là một nhạc sĩ thiên tài, nhà thơ và họa sĩ lớn của Việt Nam. Ông sáng tác hơn 600 ca khúc, mang đậm triết học hiện sinh và tình yêu thương con người. Âm nhạc của ông được chia thành các mảng lớn: tình ca, quê hương, thân phận con người và mang đậm ảnh hưởng triết lý Phật giáo về sự hữu hạn của đời người. Tính đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học về nghệ thuật ngôn ngữ trong ca từ Trịnh Công Sơn liên quan đến từ vựng, ngữ pháp, các biện pháp tu từ, ẩn dụ ý niệm về nhiều chủ đề khác nhau như *mưa, nắng, sông, biển, tình yêu, hạnh phúc, nỗi đau, sự sống, cái chết,...*

Nguyễn Thị Bích Hạnh (2009) đã xác định được hệ thống các biểu tượng trong ca từ Trịnh Công Sơn, từ đó chỉ ra mối liên hệ về mặt nguồn gốc của biểu tượng gắn với các quan niệm Triết học, Tôn giáo, Văn hóa của nhân loại... và sự linh hội, kế thừa, sáng tạo lại để hình thành nên những ý nghĩa biểu trưng của hệ biểu tượng cũng như các biến thể của biểu tượng trong ca từ của nhạc sĩ. Trên cơ sở phân tích sự kế thừa và chuyển đổi ý nghĩa của biểu tượng theo trục lịch đại, so sánh và đối chiếu trên mặt đồng đại, xác định các hướng nghĩa biểu trưng chủ yếu của hệ biểu tượng trong ca từ Trịnh Công Sơn. Qua những đặc điểm nổi bật về ý nghĩa hằng tại của các biểu tượng như *sông, nước, núi, biển, thác, đôi mắt, vườn,...* trong ca từ Trịnh Công Sơn, bước đầu đưa ra nhận định về quy luật chuyển hóa từ hệ biểu tượng khởi nguyên vào trong ca từ của Trịnh Công Sơn, từ ý nghĩa bản thể, phạm vi đời sống tín ngưỡng, tâm thức văn hóa cộng đồng... vào thế giới tinh thần của nhạc sĩ. Đối tượng nghiên cứu của nghiên cứu này là đi sâu vào nghiên cứu bản chất sự tồn tại của các biểu tượng trong ca từ của Trịnh Công Sơn, ý nghĩa biểu trưng và mức độ khái quát của từng biểu tượng. Từ đó tìm hiểu quan niệm nghệ thuật của nhạc sĩ về con người, về tình yêu, và về cõi thế. Phạm vi khảo sát

*PGS.TS; Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh;

Email: ho.oanh@ntt.edu.vn

chủ yếu của nghiên cứu là 228 nhạc phẩm được ấn hành trong nhiều tuyển tập tình khúc Trịnh Công Sơn.

Bùi Vĩnh Phúc (2009) nghiên cứu nghệ thuật ngôn ngữ trong ca từ Trịnh Công Sơn thể hiện qua những bài thơ 4 chữ như *Cũng sẽ chìm trôi*, *Tuổi đã buồn*, thơ 5 chữ như *Nguyệt ca*, *Vì tôi cần thấy em yêu đời*, thơ 5 chữ như *Em đi bỏ lại con đường*, *Hai mươi mùa nắng lạ*, thơ 8 chữ như *Một cõi đi về*, thơ lục bát như *Mưa mùa hạ*, *Lời ở phố về*, với những hình ảnh được tinh lọc giữa những dòng ca từ. Kết quả nghiên cứu cho thấy chính nghệ thuật ngôn từ tinh lọc hình ảnh này đã kích thích trí tưởng tượng của người nghe và bằng kinh nghiệm cùng những cảm thức thẩm mỹ của mình, bổ sung cho bức tranh được hoàn chỉnh và có ý nghĩa hơn và chính điều này làm cho nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Trịnh Công Sơn trở nên độc đáo. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn cho thấy một số biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, câu hỏi tu từ, cấu trúc đối xứng, cũng đã được sử dụng.

Trần Kim Phụng (2020) khảo sát những kết hợp bất thường trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới góc độ ngữ pháp bao gồm đảo trật tự các thành tố trong cụm từ, dùng danh từ đơn vị mang tính chất “lạ hóa”, dùng các định ngữ bất thường, những kết hợp bất thường trong cấu trúc cụm động từ, cụm tính từ, cấu trúc câu,... Kết quả khảo sát cho thấy bằng những kết hợp lạ lẫm, những so sánh bất ngờ, những sắp xếp độc đáo, thông qua một tri giác bén nhạy, nhiều tầng, đa chiều kích, và với một tâm hồn lãng mạn của một thi sĩ, Trịnh Công Sơn đã làm phong phú thêm kho tàng ngôn ngữ Việt.

Vương Hữu Vĩnh (2024) đối chiếu ẩn dụ ý niệm về *Hạnh phúc* và *Nỗi đau* trong lời bài hát *No Body Told Me* của nhạc sĩ John Lennon và *Cát bụi* của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Việc nghiên cứu được thực hiện trong 02 nhạc phẩm và đã phát hiện được 02 miền nguồn chính (*sự tự do*, *vô thường*) làm rõ cho miền đích “*Hạnh phúc*” và 02 miền nguồn (*sự cô đơn*, *sự thất vọng*) làm rõ cho miền đích “*Nỗi đau*”. Việc nghiên cứu cũng chỉ ra sự giống nhau trong việc sử dụng cùng miền nguồn để làm rõ 2 miền đích nêu trên và sự khác biệt chỉ nằm ở tần suất xuất hiện của các miền nguồn và trong nhạc phẩm tiếng Anh có khuynh hướng sử dụng nhiều miền nguồn để giải thích miền đích “*Hạnh phúc*” và “*Nỗi đau*” hơn trong nhạc phẩm tiếng Việt.

Bên cạnh những chủ đề nghiên cứu trên, thân phận con người trong ca từ Trịnh Công Sơn cũng đã được khảo sát khá phổ biến. Trong bài viết *Đời là cõi tạm vô thường*, Vạn Hạnh Thiền Sư (1971) cho rằng con người sanh ra trong cõi tạm này, sớm muộn gì cũng phải hoại. nhưng khi xác thân đã hoại thì thứ duy nhất còn tồn tại là linh hồn thọ nhận tất cả di sản duyên nghiệp của nhiều kiếp trong quá khứ để mang theo kiếp khác. Quan điểm này trùng khớp với triết lý Phật giáo: sự chết không phải là hết mà là chấm dứt một đời người, là một sự chuyển đổi. Sự sống đời này (hiện nghiệp) vừa là kết quả của đời sống quá khứ (tức nghiệp), vừa là nguyên nhân cho kiếp sau theo thuyết luân hồi. Kiếp này làm nhiều việc thiện thì kiếp sau sẽ được đầu thai ở kiếp tốt và ngược lại. Trong niềm tin đó, con người có thể tự giải thoát chính mình bằng khả năng, nỗ lực hướng đến chân thiện mỹ của chính mình qua sự tích cực làm những điều tốt, lợi ích cho mình, cho đất nước và cho toàn nhân loại mà không hướng đến hay cần một sự trợ giúp của đấng thần linh hay một vị cứu tinh nào khác (Thanh Nhơn, 2010, tr.93-107).

Khác với hai bài viết trên, Phan Văn Hòa và Nguyễn Thị Tú Trinh (2010) đã dựa trên khung lý thuyết ẩn dụ tổng quát của Lakoff và Turner (1989) để khảo sát ẩn dụ của các ý niệm trừu tượng về *cuộc đời*, *cái chết* và *thời gian* thể hiện trong thơ ca tiếng Anh, tiếng Việt và nêu sự giống và khác nhau giữa các ẩn dụ ý niệm này trong hai ngôn ngữ Anh, Việt; tuy nhiên, những yếu tố văn hóa và tôn giáo chưa được đi sâu phân tích. Hơn nữa, ẩn dụ tích hợp với nhiều loại ẩn dụ ý niệm chưa được mô tả và phân tích. Thêm vào đó, Trịnh Sâm (2011) nghiên cứu *mối quan hệ ẩn dụ ý niệm giữa dòng sông và cuộc đời* dựa trên khung lý thuyết của Lakoff, Turner (1989) và Kovecses (2010). Thế nhưng nghiên cứu này đã không phân tích những loại ẩn dụ ý niệm cụ thể của tư liệu đã đề cập đến yếu tố văn hóa đằng sau những ý niệm này. Cũng như Phan Văn Hòa và Nguyễn Thị Tú Trinh (2010), tác giả bài nghiên cứu chưa khảo sát ẩn dụ tích hợp - một loại ẩn dụ ý niệm xuất hiện khá phổ biến. Ngoài ra, số lượng mẫu nghiên cứu và phương tiện thu thập mẫu cũng đã không được đề cập. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2012) phân tích *ẩn dụ ý niệm cuộc đời là một hành trình* trong ca từ Trịnh

Công Sơn. Theo nhà nghiên cứu này, đời người là một lược đồ đường đi bao gồm nguồn, lộ trình và đích đến theo một trật tự tuyến tính (linear order) trong đó con người sinh ra, lớn lên, sống và cuối cùng sẽ trở về cõi vĩnh hằng. Cũng như Trịnh Sâm (2011), hạn chế của nghiên cứu này là chưa đề cập số lượng mẫu nghiên cứu nên phương pháp nghiên cứu có phần chưa rõ ràng. Nguyễn Thị Quyết (2012) so sánh đối chiếu *ẩn dụ ý niệm về cuộc đời* trong 100 bài thơ tiếng Anh và tiếng Việt dựa theo khung lý thuyết của Lakoff, Johnson (1980, 2003) để tìm ra sự tương đồng và khác biệt. Dẫu vậy, cũng như nhiều nghiên cứu trên, nghiên cứu này chưa đi sâu phân tích cụ thể, đầy đủ về ẩn dụ định hướng và ẩn dụ tích hợp bao gồm nhiều loại ẩn dụ ý niệm. Phạm Thị Xuân Hà (2018) khi nghiên cứu *ẩn dụ ý niệm về cái chết trong thơ Hàn Mạc Tử* cũng chưa trình bày rõ ràng về phương pháp nghiên cứu bao gồm số lượng mẫu nghiên cứu, thống kê, mô tả về tần số, tần suất xuất hiện của các loại ẩn dụ ý niệm trong kết quả nghiên cứu.

Nguyễn Minh Thu (2023) khảo sát *ẩn dụ bản thể chỉ cái chết* trong tiểu thuyết trinh thám Hannibal của Thomas Harris và giải thích cách ý niệm hóa cái chết thông qua hai miền nguồn là *sự kết thúc* và *tiền bạc*; qua đó các giá trị tiềm ẩn trong tiểu thuyết trinh thám được phân tích. Dẫu vậy, hạn chế của đề tài là chưa khảo sát về những loại ẩn dụ ý niệm khác như: ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ định hướng và ẩn dụ tích hợp. Hơn nữa, phương pháp nghiên cứu chưa được rõ ràng vì thiếu sự mô tả số lượng mẫu nghiên cứu và bảng thống kê tần số, tần suất xuất hiện của các loại ẩn dụ ý niệm bản thể được sử dụng trong tiểu thuyết đó. Phạm Thị Xuân Hà (2023) nghiên cứu *ý niệm cái chết* phản ánh qua *ẩn dụ ý niệm cái chết là giấc ngủ* trong tiếng Việt qua cứ liệu là những ca khúc, đoạn văn và tiểu thuyết. Tuy nhiên, phương pháp nghiên cứu cũng chưa được trình bày rõ trong bài viết này. Vũ Thị Minh Phương (2026) khảo sát *ẩn dụ ý niệm về cuộc đời* trong vở bi kịch Hamlet của tác giả William Shakespeare dựa trên khung lý thuyết Ngôn ngữ học ý niệm của Lakoff và Johnson (1980). Kết quả nghiên cứu cho thấy cả ba loại ẩn dụ ý niệm cấu trúc, bản thể, định hướng đều được sử dụng, trong đó ẩn dụ cấu trúc phổ biến nhất, theo sau là ẩn dụ bản thể và sau cùng là ẩn dụ định hướng. Đáng chú ý là những loại ẩn dụ tri nhận này không tồn tại tách biệt mà đan xen lẫn nhau để thể hiện những suy tư triết học cá nhân lẫn bối cảnh chính trị - xã hội. Tuy nhiên, tương tự như những nghiên cứu trước đây, số lượng mẫu nghiên cứu và tần số, tần suất xuất hiện của ẩn dụ ý niệm tích hợp chưa được mô tả chi tiết.

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Khái niệm về ẩn dụ ý niệm

Theo Lakoff và Johnson (1980, 2003), ẩn dụ ý niệm là quá trình phóng chiếu giữa những miền ý niệm trong đó một miền ý niệm trừu tượng (miền đích: target domain) có thể được hiểu qua một miền ý niệm khác cụ thể hơn (miền nguồn: source domain). Hai nhà nghiên cứu này cho rằng ẩn dụ không chỉ là ngôn ngữ của thơ ca mà còn là những cơ chế cấu trúc hóa tư duy, ý niệm và hành động của con người.

LOVE IS A JOURNEY

Trong ví dụ trên, khái niệm cần biết ở miền đích là LOVE (*tình yêu là gì?*) thông qua những tính chất ở miền nguồn là JOURNEY (*cuộc hành trình*) với quá trình phóng chiếu như sau:

JOURNEY		LOVE
The travelers	⇒	The lovers
(Những lữ khách)	⇒	(Những người đang yêu)
The vehicle	⇒	The love relationship itself
(Phương tiện vận chuyển, kết nối)	⇒	(Mối quan hệ tình cảm giữa hai người đang yêu)
The journey	⇒	Events in the relationship
(Cuộc hành trình)	⇒	(Những sự kiện trong mối quan hệ tình cảm)
The distance covered	⇒	The progress made
(Khoảng cách đi được)	⇒	(Sự tiến triển trong quan hệ tình cảm)
The obstacles encountered	⇒	The difficulties experienced

(Những thử thách, trở ngại phải trải qua)	⇒	(Những khó khăn gặp phải)
The decisions about which way to go	⇒	Choices about what to do
(Những quyết định về hướng đi)	⇒	(Những lựa chọn nên làm gì)
The destination of the journey	⇒	The goals of the relationship
(Điểm đến của hành trình)	⇒	(Mục tiêu của mối quan hệ tình cảm)

(Kovecses, 2010)

Trong ví dụ trên, có thể hiểu được ý niệm về *tình yêu* thông qua ánh xạ soi chiếu đặc tính của *cuộc hành trình*.

2.2.2. Phân loại ẩn dụ ý niệm

Lakoff và Johnson (1980, 2003) phân chia ẩn dụ ý niệm thành bốn loại tùy theo chức năng ý niệm mà nó thực hiện.

- Ẩn dụ cấu trúc (Structural metaphor)

Trong trường hợp này, một ý niệm trừu tượng, phức tạp được cấu trúc hóa theo một ý niệm khác cụ thể và đơn giản. Trong đó, miền nguồn (cụ thể) cung cấp một cấu trúc nghĩa phong phú để có thể hiểu miền đích (trừu tượng). Ẩn dụ ý niệm cấu trúc có thể được khái quát hóa qua cấu trúc *A là B*.

CUỘC ĐỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH

- Ẩn dụ bản thể (Ontological metaphor)

Khác với ẩn dụ cấu trúc; qua *ẩn dụ bản thể*, con người có thể xem xét những ý niệm trừu tượng trong mối tương quan với những vật thể, sự kiện, hành động, hoạt động cụ thể, nhân hóa, cái chứa đựng, cái được chứa đựng, tính chất, trạng thái... Chúng ta có thể hiểu được biểu thức ẩn dụ ý niệm THE MIND IS A MACHINE (TÂM TRÍ LÀ MÁY MÓC) qua ví dụ sau:

We're still trying to grind out the solution to this equation. *My mind isn't just operating today.*

(Chúng ta vẫn đang loay hoay tìm kiếm lời giải cho phương trình này. *Tâm trí tôi đúng là hôm nay không hoạt động.*)

- Ẩn dụ định hướng (Orientational metaphor)

Khác với hai loại ẩn dụ trên, *ẩn dụ định hướng* không cấu trúc hóa một ý niệm qua một ý niệm khác mà hệ thống hóa những khái niệm có liên quan với nhau và đa số những ý niệm đó mang tính định hướng không gian: lên - xuống, trong - ngoài, trước - sau, vào - ra, đi vào - rời đi, trung tâm - ngoại biên. Điều này liên quan đến trải nghiệm văn hóa của con người trong môi trường sống của họ. Chẳng hạn, hành động *đứng dậy* (*standing up*) có nghĩa là rời vị trí *nằm xuống* (*lying down*) và tham gia nhiều hoạt động tích cực; do vậy, *đứng dậy* thường gắn với ý niệm sự vận động *tích cực* và ngược lại *nằm xuống* gắn với ý niệm sự vận động *tiêu cực*. Chúng ta hãy xét hai biểu thức ẩn dụ ý niệm *Happy is up* (*Vui là lên*); *Sad is down* (*Buồn là xuống*) tương quan với hai câu I'm feeling up (Tôi đang cảm thấy *phấn chấn*), I'm feeling down (Tôi đang cảm thấy *thất vọng*).

Theo một số nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm (Hà Lê Hồng Hoa, 2018), (Hồ Thị Kiều Oanh & Trương Thị Mỹ Thuận, 2019), (Hồ Thị Kiều Oanh & Lê Thị Bôn, 2021) và Vũ Thị Minh Phương (2026), những loại ẩn dụ ý niệm hay tri nhận trên thường không tồn tại độc lập mà có thể được dùng kết hợp trong thơ ca, tiểu thuyết, đoạn văn, kịch để nâng tầm giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Chúng ta hãy xét một khổ thơ sau đây của nhà thơ Huy Cận với nhiều loại ẩn dụ ý niệm đã được sử dụng đồng thời: *xuống biển, ra khơi* (*định hướng*), *đã cài then, sập cửa, căng buồm* (*bản thể*: chỉ hành động nhân hóa của sóng, đêm, câu hát).

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then, đêm sập cửa

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

(Huy Cận, *Đoàn thuyền đánh cá*, 1958)

Bên cạnh đó, trong tiểu thuyết Hamlet của William Shakespeare, hình ảnh *cuộc đời như một khu vườn hoang không ai nhổ cỏ* biểu đạt cảm giác của tác giả về sự hỗn loạn và suy đồi của thế giới thời

bảy giờ qua ẩn dụ ý niệm tích hợp của ba ẩn dụ cùng loại như: bản thể (*khu vườn là vật chứa cỏ hoang*), bản thể (*tính chất hoang*), bản thể (*hành động nhổ*).

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương tiện thu thập dữ liệu là 16 ca khúc của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn viết về thân phận con người. Trong nghiên cứu này, các loại ẩn dụ ý niệm ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH được mô tả và phân tích theo đoạn khúc có thể chứa một hay nhiều câu nhằm đảm bảo tính liên kết và mạch lạc giữa những câu hát. Số lượng câu hát được khảo sát là 67 câu nằm trong 18 đoạn khúc có chứa ẩn dụ ý niệm cần khảo sát.

4. Kết quả và thảo luận

Bảng 4.1 cho thấy *Ẩn dụ bản thể* chiếm tần số và tần suất cao nhất (N = 159 # F = 237,31%). Điều này chứng tỏ ẩn dụ ý niệm “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH” được thể hiện bằng nhiều lớp ảnh xạ phóng chiếu trong cùng một hay nhiều câu hát của một đoạn khúc liên quan đến *cõi nhân sinh, những hoạt động, hành động của con người lúc sinh thời, biên giới giữa cái sống và cái chết, tính chất ngắn ngủi của đời người và kiếp lai sinh*.

Bảng 4.1. Các loại ẩn dụ ý niệm “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH”
trong những ca khúc Trịnh Công Sơn

Các loại ẩn dụ ý niệm	Tần số (N)/67 câu/18 đoạn khúc	Tần suất (F %)
Cấu trúc	6	8,95
Bản thể	159	237,31
Định hướng	23	36,51
Tích hợp	61	91,04

Qua ca từ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, có thể cảm nhận rằng “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH” với điểm bắt đầu là lúc chào đời như một hóa thân của chính mình ở kiếp trước để rồi ở cõi trần gian tạm bợ cứ ngỡ là tuyệt vời này con người mãi rong đuổi trải nghiệm và sinh tồn. Sự tri nhận này về đời người đã được nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thể hiện qua nhiều loại ẩn dụ *bản thể chỉ hành động và tính chất*.

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai vươn hình hài lớn dậy.

[1 Bản thể: hành động nhân hóa (hạt bụi *hóa kiếp*) + 1 bản thể: hành động (*vuôn hình hài lớn dậy*)]

Ôi *cát bụi* tuyệt vời, mặt trời soi một kiếp rong chơi.

[1 Bản thể: tính chất (*tuyệt vời*) + bản thể: hành động (*mặt trời soi*) + bản thể: hành động (*một kiếp rong chơi*)]

(Trịnh Công Sơn, *Cát bụi*, 1995, tr.36, 37)

Trong hành trình chiêm nghiệm cuộc đời với những vui buồn lẫn lộn, con người không biết ngày mai mình sẽ ra sao - còn tồn tại hay không tồn tại? Điều này được phản ánh qua sự kết hợp của nhiều ẩn dụ bản thể chỉ hành động *sống*, trạng thái *vui buồn*, trạng thái *sống chết*, tính chất *mong manh* của đời người - sống nay chết mai.

Sống có bao năm *vui vui buồn buồn* người người ngơ ngơ.

[1 Bản thể: hành động (*sống*) + 1 bản thể: trạng thái (*vui vui buồn buồn*) + 1 bản thể: trạng thái (*người người ngơ ngơ*)]

Sống chết mong manh như thân cỏ hèn mọc đầy núi non.

[1 Bản thể: trạng thái (*sống chết*) + 1 bản thể: tính chất (*mong manh*) + 1 bản thể: tính chất (*hèn*) + 1 bản thể: trạng thái (*mọc đầy*)]

(Trịnh Công Sơn, *Giọt lệ thiên thu*, 1995, tr.52, 53)

Phật giáo quan niệm rằng sinh lão bệnh tử là quy luật của muôn đời. Những khổ đau, bệnh tật, chết chóc... là những quy luật hiển nhiên mà ai cũng phải trải qua, không một ai có thể tránh khỏi. Thật vậy; từ thuở lọt lòng cho đến lúc thanh xuân rồi đến tuổi xế chiều và lìa trần, con người trải qua một vòng đời mà mấy ai lường trước được. Hình tượng *chuyển đồ, con trăng, quán trọ, trần gian*,

chón xa xăm cuối trời, phản ánh phần nào quan điểm này của Phật giáo cho rằng đời là bể khổ đầy thử thách và là cõi tạm (Vạn Hạnh Thiền Sư, 1971) mà con người như con trăng sau khi bị đánh thức cứ lênh đênh theo dòng nước thời gian và phải vượt qua bao chông gai cuộc đời dẫu một ngày kia phải buông bỏ tất cả trong dòng nước chập chùng để yên ngủ giấc ngàn thu. Thực vậy, nước sông từ nguồn vượt qua bao thác ghềnh để về với biển cả cũng như đời người qua bao thăng trầm sẽ trở về cát bụi (Trịnh Sâm (2011, tr.31, 32). Ấn độ tích hợp phổ biến hàng thứ hai trong những ca khúc Trịnh được khảo sát (N = 61 # F = 91,04%), bao gồm ấn dụ *bản thể*, *ấn dụ cấu trúc*, *ấn dụ định hướng* đã được dùng kết hợp với nhau trong một hay nhiều câu của một đoạn khúc một cách khéo léo phản ánh *hành động*, *tính chất*, *trạng thái*, *ý niệm*, *phương hoặc chiều hướng* để thể hiện sự tri nhận đời là cõi tạm của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Em đi qua chuyến đò thấy con trăng đang nằm ngủ.

[3 Bản thể: hành động (*đi qua*, *thấy*, *nằm ngủ*)]

Con sông là quán trọ và trăng tên lãng du.

[1Cấu trúc (*Con sông là quán trọ*) + 1 cấu trúc (*trăng (là) tên lãng du*)]

Em đi qua chuyến đò ới a con trăng còn trẻ.

[1 Bản thể: hành động (*đi qua*) + 1 bản thể: tính chất (*còn trẻ*)]

Con sông đâu có ngờ ngày kia trăng sẽ già.

[1 Bản thể: trạng thái (*đâu có ngờ*) + 1 bản thể: tính chất (*già*)]

(Trịnh Công Sơn, *Biết đâu nguồn cội*, 1995, tr.44, 45)

Tôi nay ở trọ trần gian.

[1 Bản thể: hành động (*ở trọ*)]

Trăm năm về chón xa xăm cuối trời.

[1 Bản thể: hành động (*về*) + 1 bản thể (trạng thái, phương hướng: *xa xăm cuối trời*)]

(Trịnh Công Sơn, *Ở trọ*, 1995, tr.77)

Sóng đông đưa linh hồn.

[1 Bản thể: hành động (*đông đưa*)]

Có mưa quanh chỗ nằm.

[1 Bản thể: trạng thái (*có*), 1 bản thể: tính chất (*quanh chỗ nằm*)]

Mãi một đời về không trong chập chùng thác nguồn.

[1 Bản thể: hành động (*về*) + 1 bản thể: tính chất (*không*) + 1 định hướng (*về*) + 1 bản thể chỉ tính chất, cái được chứa đựng (*trong*) + 1 bản thể: trạng thái (*chập chùng thác nguồn*)]

(Trịnh Công Sơn, *Một ngày như mọi ngày*, 1995, tr.66, 67)

Trong cuộc đời vốn dĩ tạm bợ đó, con người luôn khát khao được yêu thương, được trao đi sự yêu thương, và trên tất cả là khát vọng hiến dâng tuổi thanh xuân đấu tranh cho hòa bình của dân tộc trong thời chiến và sự kiên cường vượt khó để phát triển đất nước trong thời hậu chiến dù có phải hy sinh và không mong ngày trở lại. Tất cả những điều này đã được thể hiện một cách tài tình qua *nhiều ấn dụ bản thể* hoặc *kết hợp* với *ấn dụ định hướng* trong ca từ của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Cho tôi đi xây lại chuyện tình.

[2 Bản thể: hành động (*cho*, *đi xây lại*)]

Cho tôi đi nâng dây hòa bình.

[2 Bản thể: hành động (*cho*, *đi nâng dây*)]

Cho tôi xin tay mẹ nông nân.

[2 Bản thể: hành động (*cho*, *xin*) + 1 bản thể: tính chất (*nông nân*)]

Cho tôi nghe chân trẻ rộn ràng.

[2 Bản thể: hành động (*cho*, *nghe*) + 1 bản thể: tính chất (*rộn ràng*)]

Cho quê hương giấc ngủ thật hiền

[1 Bản thể: hành động (*cho*) + 1 bản thể: tính chất (*thật hiền*)]

Rồi từ đó tôi yêu em.

[1 Bản thể: hành động (*yêu*)]

Xin cho tôi (<https://lyrics.vn/lyrics/877-xin-cho-toi.html>)

Mỗi ngày tôi chọn ngôi thật yên, nhìn rõ quê hương, ngồi nghĩ lại mình.

[1 Bản thể: tính chất (*mỗi ngày*) + 1 bản thể: hành động (*chọn*) + 1 bản thể: hành động (*ngồi*) + 1 bản thể: tính chất (*thật yên*) + 1 bản thể: hành động (*nhìn*) + 1 bản thể: tính chất (*rõ*) + 1 bản thể: hành động (*ngồi nghĩ lại*)]

Tôi chợt hiểu rằng vì sao tôi sống, vì đất nước cần một trái tim.

[1 Bản thể: tính chất (*chợt*) + 1 bản thể: hành động (*hiểu*) + 1 bản thể: hành động (*sống*) + 1 bản thể: trạng thái (*cần*)]

(Trịnh Công Sơn, *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*, 1995, tr.28, 29)

Xa nông trường ra biên giới.

[2 định hướng (*xa, ra*)]

Có đôi khi đi không trở lại.

[1 Bản thể: tính chất (*có đôi khi*) + hành động (*đi không trở lại*)]

Nhưng trong lòng nghe tiếng nói

[1 Bản thể: hành động (*nghe tiếng nói*)]

Những gian nan sẽ đo lòng người.

[1 Bản thể: hành động (*sẽ đo lòng người*)]

Em ở nông trường em ra biên giới (<https://www.tcs-home.org/songs/titles/em-o-nong-truong-em-ra-bien-gioi>)

Rồi những năm tháng thanh xuân lặng lẽ trôi nhanh để lại cho con người bao nỗi tiếc nuối về một đời người ngắn ngủi để rồi một ngày kia đến bờ, đời người như gió qua với vết mực nào xóa bỏ kiếp nhân sinh. Sự tích hợp hài hòa giữa các ẩn dụ bản thể chỉ tính chất, hành động và cấu trúc cho thấy ý niệm phù du của đời người sớm còn tới mất biết đâu ngỡ ngàng.

Còn gì đâu những môi xưa hồng.

[1 Bản thể: trạng thái (*còn gì đâu*) + 1 bản thể: tính chất (*môi xưa hồng*)]

Vùng tuổi xanh thoảng bay như gió.

[1 Bản thể: tính chất (*xanh*) + 1 bản thể (tính chất: *thoảng như gió*) + 1 bản thể (hành động trôi qua với tính chất rất nhanh: *bay*)]

Ngày rồi qua tháng năm đâu ngờ

[1 Bản thể: hành động (*qua*) + 1 bản thể: trạng thái (*đâu ngờ*)]

Tên em lạ vết thương khô.

[1 Cấu trúc (*Tên em là vết thương khô*)]

(Trịnh Công Sơn, *Khói trời mênh mông*, 1995, tr.216-217)

Tuy nhiên, theo triết lý Phật giáo, con người bị chi phối bởi quy luật luân hồi. Do vậy, sự chết nơi con người không phải là hết mà là chấm dứt đời người để thực hiện một sự chuyển đổi. Sự sống đời này (hiện nghiệp) vừa là kết quả của đời sống quá khứ (tức nghiệp), vừa là nguyên nhân cho kiếp sau (hậu nghiệp). Đời sau này vừa là kết quả của đời hiện tại, vừa là nguyên nhân cho đời kế tiếp; tất cả cứ như vậy luân chuyển và hóa kiếp không ngừng. Vòng xoáy luân hồi đó được thể hiện qua những hình tượng hạt bụi được hóa kiếp thành con người rồi trở về cát bụi và hình tượng hạt bụi từ đáy mồ đầu thai trở lại kiếp người ở cõi tam trần gian.

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai vươn hình hài lớn dậy.

[1 Bản thể: hành động (*hóa kiếp*) + 1 bản thể: hành động (*vuốt hình hài lớn dậy*)]

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai tôi về làm cát bụi.

[1 Bản thể: hành động (*hóa kiếp*) + 1 bản thể: hành động + 1 định hướng: (*trở về làm*)]

Lá úa trên cao rung đầy, cho trăm năm vào chết một ngày.

[1 Định hướng (*trên cao*) + 1 bản thể: hành động (*rung*) + 1 bản thể: tính chất (*đầy*) + 1 bản thể: hành động (*cho*) + 1 định hướng (*vào*) + 1 bản thể: trạng thái (*chết*)]

Cum rừng nào lá xác xơ cây, từ vực sâu nghe lời mời đã đây.

[1 Bản thể: tính chất (*xác xơ*) + 1 định hướng (*từ vực sâu*) + 1 bản thể: hành động (*nghe lời mời*) + 1 định hướng (*đã dậy*)]

Ôi cát bụi phận này, vết mực nào xóa bỏ không hay.

[1 Bản thể: hành động (*xóa bỏ*) + 1 bản thể: tính chất/trạng thái (*không hay*)]

(Trịnh Công Sơn, *Cát bụi*, 1995, tr.36, 37)

Theo vòng luân hồi này, chết không phải là dấu chấm hết, mà là lời nhắc nhở con người sống một cuộc đời có ý nghĩa, lạc quan, biết trao đi sự yêu thương, biết mở lòng tha thứ với mọi người ở kiếp này ngăn ngừa để tự cứu rỗi mình, để bù lại sự ngăn ngừa của đời người ở thế gian, để được an nhiên và có thể tìm thấy thiên đường, hạnh phúc ở những kiếp lai sinh.

Anh nằm xuống như một lần vào viễn du.

[1 Bản thể: hành động (*nằm*) + 1 định hướng (*xuống*) + 1 bản thể: hành động (*đi*) + 1 định hướng (*vào*) + 1 bản thể: tính chất (*viễn du*)]

Đưa con xưa đã tìm về nhà.

[1 Bản thể: cái được chứa đựng (đưa con trong ngôi nhà) + 1 bản thể: tính chất (*xưa*): (*đưa con của ngôi nhà, xưa: con người từ kiếp trước được đầu thai trở lại trần gian và rồi lại trở về với ngôi nhà xưa nguồn cội làm hạt bụi*) + 1 bản thể: hành động (*đã tìm*) + 1 định hướng (*về*) + 1 bản thể: *nhà* (vật chứa là nguồn cội, là cội thiên thu, là khởi nguồn nơi con người được hóa kiếp)]

Đất hoang vu khép lại hện hò.

[1 Bản thể: tính chất (*hoang vu*) + 1 bản thể: hành động (*khép lại*)]

Xin cho một người vừa nằm xuống thấy bóng thiên đường cuối trời thênh thang.

[1 Bản thể: hành động (*Xin cho*) + 1 bản thể: trạng thái (*vừa nằm*) + 1 định hướng (*xuống*) + 1 bản thể: hành động (*thấy bóng thiên đường*) + 1 bản thể: tính chất (*cuối trời*) + 1 bản thể: tính chất (*thênh thang*)]

Hát cho một người nằm xuống (<https://www.tcs-home.org/songs/titles/cho-mot-nguoi-nam-xuong>)

Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng.

[1 Bản thể: trạng thái (*Đừng tuyệt vọng*) + 1 bản thể: trạng thái (*đừng tuyệt vọng*) (*cầu trúc lặp*)]

Nắng vàng phai như một nỗi đời riêng.

[1 Bản thể: trạng thái (*phai*) + 1 bản thể: tính chất (*riêng*)]

Đừng tuyệt vọng, em ơi đừng tuyệt vọng.

[1 Bản thể: trạng thái (*Đừng tuyệt vọng*) + 1 bản thể: trạng thái (*đừng tuyệt vọng*): *cầu trúc lặp*)]

Em hồn nhiên rồi em sẽ bình minh.

[1 Bản thể: trạng thái (*hồn nhiên*) + 1 bản thể: trạng thái (*bình minh*)]

(Trịnh Công Sơn, *Tôi ơi đừng tuyệt vọng*, 1995, tr.116-117)

Hãy yêu nhau đi quên ngày u tối.

[1 Bản thể: hành động (*yêu nhau*) + 1 bản thể: trạng thái (*quên*) + 1 bản thể: tính chất (*u tối*)]

Dù vẫn biết mai đây xa là thế giới,

[1 Bản thể: trạng thái (*vẫn biết*) + 1 bản thể: hành động (*xa là*) + 1 bản thể: cái chứa đựng (thế giới: nơi con người sinh sống)]

Mặt đất đã cho ta những ngày vui với.

[1 Bản thể: hành động (*đã cho*) + 1 bản thể: tính chất (*vui với*)]

Hãy nhìn vào mặt người lần cuối trong đời.

[1 Bản thể: hành động (*nhìn vào*) + 1 bản thể: tính chất (*cuối*) + 1 bản thể: cái chứa đựng (*trong đời*)]

Hãy yêu nhau đi bên đời nguy khốn.

[1 Bản thể: hành động (*yêu nhau*) + 1 bản thể: trạng thái (*bên đời*) + 1 bản thể: tính chất (*nguy khốn*)]

Hãy yêu nhau đi bù đắp cho trăm năm.

[1 Bản thể: hành động (*yêu nhau*) + 1 bản thể: hành động (*bù đắp*)]

(Trịnh Công Sơn, *Hãy yêu nhau đi*, 1995, tr.224-225)

Tình yêu thương đó không chỉ dừng lại ở một đất nước mà có thể lan tỏa đến bạn bè ở khắp năm châu để cả thế giới cùng sống trong hòa bình cho dù con người không biết thân phận ở những kiếp sau rồi sẽ ra sao: làm kiếp cỏ cây, vó ngựa trên đời hay dấu chim bay?

Hôm nay thức dậy không nhìn thấy mặt trời.

[1 bản thể: hành động (*thức dậy*) + 1 bản thể: trạng thái (*không nhìn thấy mặt trời*)]

Hay mình đã lạc loài?

[1 bản thể: trạng thái (*đã lạc loài*)]

Vó ngựa trên đời?

[1 định hướng: *trên đời* + 1 cấu trúc (*mình là vó ngựa trên đời*)]

Hay dấu chim bay?

[1 bản thể: trạng thái (*dấu chim bay*) + 1 cấu trúc (*mình là dấu chim bay*)]

(Trịnh Công Sơn, *Xa dấu mặt trời*, 1995, tr.73)

Người đi quanh thân thể của người.

[1 Bản thể: hành động (*đi*) + 1 định hướng (*quanh*)]

Một trăm năm như tiếng thở dài.

[1 Bản thể: tính chất (*như tiếng thở dài*)]

Làm con sông cho tháng ngày trôi.

[1 Bản thể: hành động (*Làm con sông*) + 1 bản thể: hành động (*trôi*)]

Chờ cây non trên núi đầu thai.

[1 Bản thể: hành động (*Chờ*) + 1 định hướng (*trên*) + 1 bản thể: hành động (*đầu thai*)]

Đường tương lai xin nhắc từ đầu cùng anh em trên khắp địa cầu hãy gần nhau.

[1 Định hướng (*tương lai*) + 1 bản thể: hành động (*xin nhắc*) + 1 bản thể (cái được chứa đựng: *anh em trên khắp địa cầu*) + 1 bản thể: hành động: (*nhắc lại gần nhau*)]

(Trịnh Công Sơn, *Như tiếng thở dài*, 1995, tr.50, 51)

Đến đây chúng ta có thể thấy rằng ẩn dụ ý niệm “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH” đã được người nhạc sĩ tài hoa Trịnh Công Sơn diễn tả qua nhiều phương tiện ngôn ngữ và hình tượng được đúc kết ở bảng sau.

Bảng 4.2. Ẩn dụ ý niệm “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH”
qua phương tiện ngôn ngữ và hình tượng

ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH (CHÀO ĐỜI→SỐNG CHẾT→ TÁI SINH/ →CHÀO ĐỜI)	PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ VÀ HÌNH TƯỢNG			
	Danh từ	Động từ	Tính từ	Trạng từ
SỐNG LÀ SỰ CHÀO ĐỜI, SỰ TÁI SINH - ĐIỂM BẮT ĐẦU HÀNH TRÌNH	Hạt bụi, cụm rừng, lá, cây, lời mời (đã dậy)	Hóa kiếp, vươn hình hài lớn dậy, nghe (lời mời), đã dậy	Xác xơ	Từ vực sâu
SỐNG LÀ Ỗ TRỢ	Trần gian	Ỗ trợ		
SỐNG LÀ CUỘC RONG CHƠI	Kiếp rong chơi, (đi qua) chuyển đò, con trắng (nằm ngủ), quán trợ, tên lãng du	Sống, rong chơi, (con trắng) nằm ngủ, đi qua (chuyến đò)		
SỐNG LÀ SỰ LẠC QUAN	Bình minh	Đừng tuyệt vọng	Hồn nhiên, vui với	Vui vui
SỐNG CHẾT LÀ MONG MANH	Sống chết, cỏ hèn, núi non, con sông, (đi	Đi qua (chuyến đò)	Mong manh (sống chết)	

	qua) chuyển đồ, con trắng (năm ngủ)			
SÔNG LÀ TIỀN VỀ PHÍA TRƯỚC, ĐỐI MẶT VỚI CÁC KHÚC NGOẶT HOẶC THỦ THÁCH	(xa) Nông trường, (ra) biên giới, những gian nan, lòng người	Xa (nông trường), ra (biên giới), đi không trở lại, (trong lòng) nghe tiếng nói, (những gian nan) sẽ đo (lòng người)		Đôi khi (không trở lại)
ĐỜI LÀ BỀ KHỔ	Thân thể, một trăm năm, tiếng thở dài, tháng ngày (trôi)			Buồn buồn
SÔNG LÀ TRAO NHẬN SỰ YÊU THƯƠNG	Chuyện tình, tay mẹ, chân trẻ, mặt người, lần cuối, anh em, địa cầu	Cho xin (tay mẹ nòn nản), cho nghe (chân trẻ rộn ràng), yêu em, yêu nhau, hãy gần nhau	(tay mẹ) Nồng nản, (chân trẻ) rộn ràng	(Lần cuối) Trong đời, trên khắp (địa cầu)
SÔNG LÀ SỰ KHAO KHÁT HÒA BÌNH	Quê hương	Chọn ngôi, ngôi nghỉ lại mình		Thật yên
SÔNG LÀ CÔNG HIỆN CHO QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC	Hòa bình, quê hương, giấc ngủ, đất nước, một trái tim,	Cho (tôi) đi nâng dậy (hòa bình), sống, cần	(Cho quê hương giấc ngủ) Thật hiện	
SÔNG LÀ TIỀN VỀ TUỔI GIÀ	Con sông, trắng, một ngày kia, những môi xưa hồng, vùng tuổi xanh, nắng	(Vùng tuổi xanh) Bay theo gió	Còn trẻ (con trắng), già (con trắng), vàng phai (nắng)	Đâu có ngờ (trắng sẽ già), còn gì đâu (những môi xưa hồng), (vùng tuổi xanh) thoáng bay
SÔNG LÀ HÀNH TRÌNH TIỀN VỀ CÁI CHẾT	Trăm năm, ngày, tháng năm, tên em, vết thương khô, thể giới	Về chôn (xa xăm cuối trời), (ngày tháng) rồi qua, xa lìa (thể giới)		Xa xăm, cuối trời, đâu ngờ (ngày tháng trôi qua), mai đây (xa lìa thể giới)

CHẾT LÀ HẾT MỘT KIẾP NGƯỜI	Cát bụi, phận này, vết mực (xóa bỏ), đất (hoang vu)	(vết mực nào) Xóa bỏ, (đất hoang vu) khép lại hèn hò	(đất) Hoang vu	(Vết mực nào xóa bỏ) Không hay
CHẾT LÀ VỀ VỚI NGUỒN CỘI	Sóng, linh hồn, chỗ nằm, hạt bụi, thân tôi, cát bụi, lá úa (rụng đầy), trăm năm, (vào chết) một ngày, đưa con xưa (đã tìm về nhà)	Đong đưa (linh hồn), (mãi một đời) về không, hóa kiếp (thân tôi), về làm (cát bụi), rụng đầy (lá úa), cho (trăm năm) vào chết (một ngày), nằm xuống, vào viễn du, (đưa con xưa) đã tìm về nhà		Quanh (chỗ nằm), mãi một đời (về không), trong chấp chùng (thác nguồn), một lần (năm xuống), trên cao (lá úa rụng đầy)
CHẾT LÀ VỀ CỘI PHÚC	Bóng thiên đường	Thấy (bóng thiên đường)		Cuối trời thênh thang
CHẾT LÀ SỰ TÁI SINH	Mặt trời, vó ngựa, đôi, dấu chim, cây non	Thức dậy, không nhìn thấy (loài người), (dấu chim) bay, (cây non trên núi) chờ đầu thai	Lạc loài	(cây non) trên núi

5. Kết luận

Qua bài viết này, chúng ta có thể thấy nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã thể hiện sự cảm nhận về thân phận hữu hạn của đời người dưới góc nhìn của Ngôn ngữ học Tri nhận qua ẩn dụ ý niệm “ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT HÀNH TRÌNH” trong nhiều ca khúc của ông qua nhiều loại ẩn dụ ý niệm: *cấu trúc, bản thể, định hướng* trong đó *ẩn dụ bản thể* xuất hiện với tần số cao nhất nhằm thể hiện tính chất hữu hạn của đời người, những hành động, ứng xử nhân văn của con người để bù lại tính hữu hạn đó. Đáng chú ý là một hay nhiều loại ẩn dụ ý niệm trên đã được dùng kết hợp với nhau một cách uyển chuyển nhằm vẽ nên một bức tranh sinh động đầy màu sắc về tính phù du của kiếp nhân sinh và sự tự cứu cánh của con người dưới ánh sáng của niềm tin vào những kiếp lai sinh tốt đẹp hơn. Khác với những nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trước đây cho rằng đời người là *một hành trình tuyến tính (linear journey)* với điểm bắt đầu là lúc sinh ra trên thế gian này và điểm kết thúc là cái chết thì nghiên cứu này dưới ánh sáng của Phật pháp cho thấy đời người là *một hành trình luân hồi (circular journey of reincarnation)*: con người sinh ra, tồn tại rồi một ngày nào đó ra đi nhưng chết chưa phải là sự kết thúc mà là một điểm bắt đầu cho một kiếp lai sinh khác là hệ quả của cách ứng xử ở kiếp trước đó và cứ thế nhịp sống mãi luân hồi trong giới hạn của đời người. Và chính niềm tin này đã giúp con người biết sống hướng thiện, biết sống cho đi, lan tỏa sự yêu thương đến toàn nhân loại, biết tha thứ khoan dung trước những sai lầm và trên tất cả là lòng yêu nước nồng nàn khát khao đấu tranh vì độc lập dân tộc trong thời chiến và sự cống hiến xây dựng, phát triển đất nước trong thời bình để bù lại kiếp phù

du của đời người. Phải chăng đây cũng chính là thông điệp đã được nhạc sĩ Trịnh Công Sơn gửi gắm đến mỗi chúng ta “Sống giữa đời này chỉ có thân phận và tình yêu. Thân phận thì hữu hạn. Tình yêu thì vô cùng. Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận trên cây thập giá Đời”.

Lời cảm tạ

Bài nghiên cứu này được hỗ trợ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, TP.Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bùi Vĩnh Phúc (2009). Nghệ thuật ngôn ngữ trong ca từ Trịnh Công Sơn. *Văn Chương không biên giới*, 21.04.2009.
2. Huy Cận (1958), *Đoàn thuyền đánh cá*. Trong *Tập thơ Trời mỗi ngày lại sáng & Tập chỉ Văn nghệ* số 18.
3. Nguyễn Minh Thu (2023), “Ẩn dụ bản thể chỉ “cái chết” trong tiểu thuyết trinh thám “Hannibal” của Thomas Harris”. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 9(344), tr.25-30.
4. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2009). *Biểu tượng ngôn ngữ trong ca từ của Trịnh Công Sơn*. Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội.
5. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2012), “Ẩn dụ ý niệm “Cuộc đời là một cuộc hành trình” trong ca từ Trịnh Công Sơn”. *Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội*, 1, tr.51-60.
6. Nguyễn Thị Quyết (2012), “Ẩn dụ ý niệm về cuộc đời trong thơ tiếng Anh và tiếng Việt”. *Tạp chí Ngôn ngữ* 6, 19-29.
7. Phạm Thị Xuân Hà (2018), “Ẩn dụ ý niệm về cái chết trong thơ Hàn Mặc Tử”. *Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội*, 7, tr.71-78.
8. Phạm Thị Xuân Hà (2023), Ý niệm “cái chết” phản ánh qua ẩn dụ tri nhận “cái chết là giấc ngủ” trong tiếng Việt. https://bachkhoatoanthu.vass.gov.vn/noidung/anpham/Lists/baiviettoanvan/View_Detail.aspx?ItemID=129.
9. Phan Văn Hòa & Nguyễn Thị Tú Trinh (2010), “Ẩn dụ ý niệm về cuộc đời, cái chết và thời gian trong thơ ca tiếng Anh và tiếng Việt”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, 5(40).
10. Thanh Nhơn (2010), “Quan niệm cứu độ của Phật Giáo và Kitô Giáo”. *Tạp chí Thời sự Thần học*, 3(1), tr.93-107.
11. Trần Kim Phụng (2020). Những kết hợp bất thường trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới góc độ ngữ pháp. *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học*, Đại học Sư phạm Hà Nội, 14.10.2020.
12. Trịnh Sâm (2011), “Dòng sông và cuộc đời - Tri nhận của người Việt về sông nước”. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, 10 (192), tr.31-33.
13. Vạn Hạnh Thiền Sư (1971). *Đời là cõi tạm vô thường*. <https://nhipcautamgiao.net/doi-la-coi-tam-vo-thuong-van-hanh-thien-su> 9.
14. Vũ Thị Minh Phương (2026), “Ẩn dụ ý niệm về cuộc đời trong tác phẩm Hamlet của tác giả William Shakespeare”. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 1 (377), tr.70, 74.
15. Vương Hữu Vĩnh (2024). Đối chiếu ẩn dụ ý niệm về “Hạnh phúc” và “Nỗi đau” trong lời bài hát “No Body Told Me” của nhạc sĩ John Lennon và “Cát bụi” của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 5, tr.47-54.

Tiếng Anh

16. Hà Lê Hồng Hoa (2018), *A Contrastive Study of Conceptual Metaphor of Love in English and Vietnamese Songs in the 20th Century*. Unpublished M.A. Thesis, University of Foreign Languages, University of Danang.
17. Hồ Thị Kiều Oanh. & Lê Thị Bồn (2021), Conceptual Metaphor in Sport Newspaper Headlines in English Versus Vietnamese. *Journal of Language and Life*, 5b (312), 6-12.
18. Hồ Thị Kiều Oanh & Trương Thị Mỹ Thuận (2019), Conceptual Metaphor of *Sun* in English Versus Vietnamese 20th Century Poems. *Journal of Language and Life*, 5(285), 4-12.
19. Kovecses, Z. (2010), *Metaphor: A Practical Introduction* (second edition), Oxford: Oxford University Press.
20. Lakoff, G. & Johnson, M. (1980), *Metaphors We Live by* (first edition). Chicago: University of Chicago Press.
21. Lakoff, G. & Johnson, M. (2003), *Metaphor We Live by* (second edition). Chicago: University of Chicago Press.
22. Lakoff, G. & Turner, M. (1989), *More Than Cool Reason: A Field Guide to Poetic Metaphor*. Chicago: University of Chicago Press.

TƯ LIỆU THAM KHẢO**Tuyển tập nhạc**

23. Trịnh Công Sơn (1995). *Tuyển tập những bài ca không năm tháng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản âm nhạc.

Các trang mạng

24. <https://lyrics.vn/lyrics/877-xin-cho-toi.html>
25. <https://www.tcs-home.org/songs/titles/em-o-nong-truong-em-ra-bien-gioi>
26. <https://www.tcs-home.org/songs/titles/hat-cho-mot-nguoi-nam-xuong>

Conceptual Metaphor of “HUMAN LIFE IS A JOURNEY” in Trinh Cong Son’s Songs

Abstract: This article analyzes conceptual metaphor “HUMAN LIFE IS A JOURNEY” in Trinh Cong Son’s songs. The data are 16 Vietnamese songs with the qualitative and quantitative approach. Based on the theoretical framework of Lakoff, Johnson (1980, 2003), and Kovecses (2010), the findings show that structural, ontological, orientational metaphor are all used, among which the most common is the ontological, followed by the integrated metaphor of all of these kinds of metaphor. The article then discusses these findings basing on the Vietnamese culturally religious features.

Key words: Conceptual metaphor; human life; a journey; songs; Trinh Cong Son.